

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN X  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/HS-ST  
Ngày 06-3-2024.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Bá Khuyến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà La Thị Thu Nga.

2. Bà Ngô Thị Quốc Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Cù Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2024/TLST-HS, ngày 22 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2024/QĐXXST-HS, ngày 21 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Mạnh C, sinh ngày 01 tháng 8 năm 1990 tại tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: 00/00 T, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện tại: Ấp 0, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Trọng H, sinh năm 1958 (đã chết) và bà Trịnh Thị H1, sinh năm 1960; có vợ là bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1988 (đã ly hôn), có 01 người con sinh năm 2008 và bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1990 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2013; tiền án: Tại Bản án số 253/2016/HSST, ngày 14/9/2016 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 28/4/2020, ngày 28/7/2023 nộp 200.000 đồng án phí hình sự và 2.150.000 đồng truy thu sung ngân sách Nhà nước, chưa được xoá án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 31/2009/HSST, ngày 20/01/2009 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Cướp tài sản”; Bị tạm giam ngày

28/9/2023 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 57/LB, ngày 26/9/2023 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

2. Trần Ngọc S, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984 tại tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: 00/00 hẻm 0, khu phố V, phường V1, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; Nơi ở hiện tại: Ấp 0, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N, sinh năm 1951 (đã chết) và bà Nguyễn Thị P (U P), sinh năm 1951; có chồng là ông Trần Linh T, sinh năm 1985 và có 04 con, người con lớn nhất sinh năm 2009, người con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án: Tại Bản án số 52/2017/HS-ST, ngày 22/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 12/11/2021, chưa được xoá án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 21/2012/HS-ST, ngày 21/02/2012 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Hiện đang tại ngoại tại ấp 0, xã B, huyện X theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 02/LC-TA, ngày 21/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

*- Bị hại:*

Bà Vũ Thị Kim T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Ấp N, xã X1, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Nguyễn Công P, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp 0, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Mạnh C và Trần Ngọc S chung sống với nhau như vợ chồng tại ấp 0, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Do cả hai không có việc làm ổn định nên để có tiền chi tiêu cho cuộc sống thì vào khoảng 06 giờ ngày 18/5/2023 C đã rủ S đi trộm cắp tài sản và được S đồng ý. Sau đó, C điều khiển xe mô tô biển số 72H8-91.. chở S từ nơi cư trú đi tìm tài sản để trộm cắp, khi đến chợ X thuộc ấp N, xã X1, huyện X, S nhìn thấy bà Vũ Thị Kim T đang điều khiển xe mô tô biển số 72G1-572..., trong hộc bên trái của xe có để 01 điện thoại di động Samsung Galaxy M51, màu đen nên S và C nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại này. Tiếp theo, C điều khiển xe mô tô đi theo bà T, khi đến cửa hàng tạp hóa của chị Trần Thị Bích L tại ấp N, xã X1, huyện X thì bà T dừng xe phía ngoài cửa hàng đi vào phía trong mua hàng. Lúc này, C cũng dừng xe với mục đích để cảnh giới còn S xuống xe đi vào cửa hàng tạp hóa thấy bà T không để ý nên S

đã lén lút lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi áo rồi nhanh chóng ra xe do C điều khiển cùng nhau rời đi. Trên đường đi, S tháo ốp lưng điện thoại thì nhìn thấy có 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng được kẹp giữa điện thoại và ốp lưng nên đã lấy số tiền này và vứt bỏ ốp lưng điện thoại đi, S đưa điện thoại và tiền cho C, C cầm lấy và tháo 02 sim số của điện thoại vứt bỏ. Cả hai tiếp tục di chuyển đến chợ B, tại đây S đã sử dụng hết số tiền 500.000 đồng còn chiếc điện thoại thì C vẫn giữ.

Khi mất tài sản, bà Vũ Thị Kim T có đơn gửi đến Công an xã X1, huyện X để trình báo và đề nghị giải quyết (Bl 19, 126). Sau đó, cơ quan chức năng đã tiến hành vẽ sơ đồ hiện trường nơi xảy ra vụ việc (Bl 45); lập biên bản khám nghiệm hiện trường và chụp ảnh hiện trường (Bl 20-44); ra quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu gồm: 01 (một) xe mô tô biển số 72H8-91..., số máy VTRCF100E08039... (số máy ghi nhận) và 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy M51, màu đen, số IMEI 2: 353544563650... (Bl 50, 51).

Tại Kết luận định giá tài sản số 72/KL-HĐĐG, ngày 08/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng Hình sự huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã kết luận tại thời điểm xảy ra vụ án, giá trị thiệt hại của tài sản cụ thể: 01 điện thoại Samsung Galaxy M51 là 3.309.000 đồng; 01 sim điện thoại mạng Viettel là 25.000 đồng; 01 sim điện thoại mạng Vinaphone là 25.000 đồng; 01 ốp lưng điện thoại là 25.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là 3.384.000 đồng (Bl 55).

Tại bản Cáo trạng số 10/CT-VKSXM, ngày 18/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu truy tố bị cáo Hoàng Mạnh C và bị cáo Trần Ngọc S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa hình sự giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Mạnh C và bị cáo Trần Ngọc S phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Về hình phạt chính: Phạt bị cáo Hoàng Mạnh C từ 10 tháng đến 16 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 28/9/2023); Phạt bị cáo Trần Ngọc S từ 08 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bị bắt đi chấp hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo do không có nghề nghiệp ổn định.

Trách nhiệm dân sự: Bà Vũ Thị Kim T đã nhận lại tiền và tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

Xử lý vật chứng:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Giao lại cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (từ đây viết tắt là: Cơ quan Cảnh sát Điều tra): 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Dream, màu Nho, biển số 72H8-91..., số khung CTTD100W99004..., số máy VTRCF100E0803..., để tiếp tục tạm giữ chờ xác minh, làm rõ và xử lý sau do hiện nay chưa làm việc được với chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo đã nhận thức được hành vi đã thực hiện là vi phạm pháp luật và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Các bị cáo thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và không bào chữa, tranh luận.

Bị hại là bà Vũ Thị Kim T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã nhận lại tiền và tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình nên không có yêu cầu bồi thường gì thêm và không có ý kiến gì khác; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Công P. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra chưa làm việc được nên không ghi nhận được lời khai của ông P. Tại phiên tòa, ông P tiếp tục vắng mặt và Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông P nên không có cơ sở xem xét, giải quyết những tình tiết, sự việc cũng như tài sản, đồ vật có liên quan đến ông P.

Khi nói lời sau cùng, các bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại và đều xin Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo sớm có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 18/5/2023 tại cửa hàng tạp hóa của chị Trần Thị Bích L thuộc ấp N, xã X1, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Hoàng Mạnh C và Trần Ngọc S đã lén lút lấy trộm của bà Vũ Thị Kim T 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy M51 (có gắn ốp lưng), bên trong điện thoại có 02 sim số 03990921.. và 09158658..; 01 (một) tờ tiền có mệnh giá 500.000 đồng được kẹp giữa điện thoại và ốp lưng của điện thoại.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp sơ đồ hiện trường nơi xảy ra vụ việc, biên bản khám nghiệm hiện trường và ảnh hiện trường; phù hợp với kết luận định giá tài sản; với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tài sản bị chiếm đoạt được xác định gồm: 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy M51 có giá 3.309.000 đồng; 01 (một) sim điện thoại mạng Viettel có giá 25.000 đồng; 01 (một) sim điện thoại mạng Vinaphone có giá 25.000 đồng; 01 (một) ốp lưng điện thoại có giá 25.000 đồng và 500.000 đồng tiền Việt Nam. Tổng cộng là 3.884.000đ (ba triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn) đồng.

Động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo đều đã thành niên, có sức khỏe và đủ nhận thức để hiểu được những điều cấm của pháp luật đối với mọi hành vi phạm tội về xâm phạm sở hữu nhưng do tham lam, lười lao động, các bị cáo đã bất chấp tất cả quy định của pháp luật, lợi dụng sự sơ hở và mất cảnh giác của bị hại, cố ý lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền và tài sản của chủ sở hữu với mục đích để phục vụ cho nhu cầu cá nhân.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác, đây là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, tạo dư luận xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện đến cùng. Hành vi của các bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm nhân dân huyện X truy tố các bị cáo và việc luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình lượng hình có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[2] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện bồi thường số tiền 500.000 đồng và thiệt hại mà các bị cáo gây ra không lớn đối với bị hại nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vụ án có hai người tham gia thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa có sự bàn bạc, phân công vai trò chặt chẽ nên chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn. Xuất phát từ việc cả hai bị cáo đều không có việc làm ổn định nên cuộc sống chung có khó khăn về kinh tế nhưng với bản tính tham lam nên bị cáo C đã chủ động rủ bị cáo S đi trộm cắp, thay vì từ chối và can ngăn thì bị cáo S lại đồng ý. Như vậy, bị cáo C là người đã kích động, dụ dỗ, thúc đẩy bị cáo S thực hiện tội phạm còn bị cáo S quá trình điều tra xác định bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò là người thực hành, trực tiếp thực hiện tội phạm. Mặc dù, hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng, cùng thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp và hành vi của các bị cáo gần như tương đồng nhau nhưng bị cáo C chính

là người khởi xướng, xúi giục bị cáo S thực hiện tội phạm, bản thân bị cáo C được xác định là người có tiền án tại Bản án số 253/2016/HSST, ngày 14/9/2016 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 28/4/2020 nhưng đến ngày 28/7/2023 mới nộp 200.000 đồng án phí hình sự và 2.150.000 đồng truy thu sung ngân sách Nhà nước nên chưa được xoá án tích. Về nhân thân, ngày 20/01/2009 bị cáo C bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Cướp tài sản” tại Bản án số 31/2009/HSST; đối với bị cáo S cũng được xác định là người có tiền án tại Bản án số 52/2017/HS-ST, ngày 22/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí hình sự nhưng đến ngày 12/11/2021 mới chấp hành xong hình phạt tù nên chưa được xoá án tích. Về nhân thân, ngày 21/02/2012 bị cáo S bị Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 21/2012/HS-ST. Những điều đó cho thấy, cả hai bị cáo trước đây mỗi bị cáo đều đã từng hai lần bị đưa ra xét xử nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân để tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu trở thành người công dân tốt mà do tham lam, háms lợi nên cố ý thực hiện hành vi phạm tội mới, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác, riêng bị cáo S tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thuộc cùng một loại tội phạm. Trong vụ án này, các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng được xác định là những người có nhân thân xấu, thuộc diện khó giáo dục, cải tạo nên không thể áp dụng xử mức án dưới khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự mà cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo ý thức tôn trọng pháp luật, tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới. Đồng thời, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hoàng Mạnh C và bị cáo Trần Ngọc S, mỗi bị cáo có một tiền án nên lần phạm tội này các bị cáo đều thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[3] Sự vắng mặt của bị hại nhưng đã có lời khai làm rõ các tình tiết liên quan đến vụ án nên việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử; Sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do trong quá trình điều tra chưa làm việc được nên không có cơ sở xem xét, giải quyết. Trong trường hợp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, việc

vắng mặt của người này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 và Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, vẫn tiến hành xét xử.

[4] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là người nghề nghiệp không ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[5] Trách nhiệm dân sự: Bà Vũ Thị Kim T đã được các bị cáo bồi thường đủ số tiền 500.000 đồng và nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không có yêu cầu gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy M51, màu đen, IMEI1: 353544563650..., IMEI2: 353914473650...là tài sản hợp pháp của bà Vũ Thị Kim T. Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã trả lại cho bà T từ giai đoạn điều tra là đúng quy định của pháp luật nên không xem xét, giải quyết.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Dream, màu Nho, biển số 72H8-91..., số khung CTTD100W99004..., số máy VTRCF100E0803.... Quá trình điều tra, đã xác định được chủ xe là ông Nguyễn Công P, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp 0, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhưng cho đến nay vẫn chưa làm việc được với chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản trên nên giao lại cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tiếp tục tạm giữ chờ xác minh, làm rõ và xử lý sau.

[7] Các vấn đề khác: Không.

[8] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện X; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X được phân công điều tra, kiểm sát giải quyết vụ án thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, có cơ sở để xác định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Mạnh C và bị cáo Trần Ngọc S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt:

+ Hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Hoàng Mạnh C 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 28/9/2023).

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc S 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tự nguyện đi chấp hành án hoặc ngày bị bắt đi chấp hành án.

+ Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

- Trách nhiệm dân sự: Không xem xét, giải quyết do bị hại không có yêu cầu.

- Xử lý vật chứng: Giao lại cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Dream, màu Nho, biển số 72H8-91.., số khung CTTD100W99004..., số máy VTRCF100E0803.../.

*(Vật chứng thu giữ đang được Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bảo quản theo Biên bản giao nhận vật chứng số 24/BB, ngày 22/01/2024).*

- Về án phí: Bị cáo Hoàng Mạnh C và bị cáo Trần Ngọc S, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng.

- Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.



***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện X;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- CQCS Điều tra Công an huyện X;
- CQ THA hình sự Công an huyện X;
- UBND xã B, huyện X, tỉnh BR-VT;
- UBND phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV06, PC10–Công an tỉnh BR-VT;
- CCTHA Dân sự huyện X;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Lê Bá Khuyến**